

Bản án số: 27/2018/HS-PT
Ngày 13 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thái.

Các Thẩm phán: Ông Hà Quang Huy;

Bà Vi Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Hoa Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo Hoàng Phúc T, Triệu Thị H, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2018/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Phúc T; sinh năm 1978 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12 (mù chữ); dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Hữu B và bà Triệu Thị B; có vợ là Triệu Thị H; có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Triệu Thị H; sinh năm 1982 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Triệu Kim V và bà La Thị T; có chồng là Hoàng Phúc T; có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01 năm 2017, Hoàng Phúc T khởi xướng bàn với vợ là Triệu Thị H đến khu rừng thuộc lô số 3, khoảnh 8, tiểu khu 417 thuộc thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn phát phá nhằm mục đích để trồng lúa nương. T và H nói với hai con trai là Hoàng Quý B và Hoàng Quý TH rằng khu rừng trên là rừng của gia đình, hôm nào được nghỉ học thì hộ bố mẹ phát rừng để trồng lúa. Sau khi bàn bạc xong, T và H dùng dao đến phát phá khu rừng trên trong khoảng thời gian là 18 ngày còn B và TH giúp bố mẹ phát phá khoảng 04 ngày. Tổng diện tích mà gia đình Hoàng Phúc T, Triệu Thị H phát phá là 3,393 ha (33.930m²). Các loại cây trên diện tích đất trên T và H đã dùng lửa đốt toàn bộ.

Ngày 03/4/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện C tiến hành khám nghiệm hiện trường khu rừng bị T, H, B, TH chặt phá, hủy hoại. Qua khám nghiệm xác định diện tích rừng bị phát phá thuộc lô 03, khoảnh 08, tiểu khu 417. Trên diện tích đất chủ yếu là cây gỗ rừng tự nhiên nhỏ và cây vầu đã bị đốt hoàn toàn.

Đối với diện tích liền kề bị phát phá là 16.500m², T, H không công nhận được phát phá và cũng không biết ai đã phát phá. Trên diện tích này có 18 khúc gỗ, có khối lượng là 6,610m³ gỗ tròn từ nhóm V – VIII trị giá 7.608.200đ. Khu vực phát phá là rừng phòng hộ thuộc UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn quản lý. Do toàn bộ số cây bị chặt phá trên diện tích đất 3,393ha đã bị T và H đốt hết vì vậy không tiến hành định giá về giá trị tài sản (cây cối) bị thiệt hại.

Theo bản đồ kiểm kê rừng năm 2012; bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tờ số 02 năm 2015 của xã K; bản đồ quy hoạch 3 loại rừng của xã K năm 2007 thì khu rừng thuộc lô 3, khoảnh 8, tiểu khu 417 thuộc thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là loại rừng phòng hộ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Hoàng Phúc T và Triệu Thị H thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Phúc T và Triệu Thị H phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017. Xử phạt:

- Bị cáo Hoàng Phúc T 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Bị cáo Triệu Thị H 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/5/2018 Tòa án nhân dân huyện C nhận được đơn kháng cáo của các bị cáo Hoàng Phúc T và Triệu Thị H đều có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Hoàng Phúc T, Triệu Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với bị cáo Hoàng Phúc T thì mức án 04 (Bốn) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên đối với bị cáo Triệu Thị H thì mức án 03 (Ba) năm tù là có phần nghiêm khắc bởi lẽ hai bị cáo là vợ chồng của nhau và đều là lao động chính trong gia đình; việc phát phá rừng nhằm mục đích trồng lúa nương để cải thiện đời sống kinh tế gia đình, không nhằm mục đích khác; khu rừng các bị cáo phát phá là rừng phòng hộ tuy nhiên chỉ có cây vầu, cây lau sậy và một số cây nhỏ khác; trong vụ án này bị cáo H là đồng phạm với vai trò giúp sức; các bị cáo có 03 con trong đó con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất mới sinh năm 2015; việc buộc cả hai bị cáo phải chịu hình phạt tù thì các con của bị cáo, đặc biệt là cháu nhỏ sẽ không được mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ, bảo ban rất có thể sẽ kéo theo những hệ lụy xấu cho gia đình và xã hội.

Từ những phân tích ở trên, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Phúc T, giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo T; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Thị H, sửa bản án sơ thẩm số 30/2018/HSST, ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Hiền.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Phúc T và Triệu Thị H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình: Vào tháng 01/2017 Hoàng Phúc T và Triệu Thị H cùng nhau phát, đốt khu rừng phòng hộ thuộc lô 3, khoảnh 8, tiểu khu 417 thuộc thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, mục đích là để trồng lúa nương. Khu vực phát, đốt có diện tích 3,393 ha (33.930m²) đất rừng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 3 Điều 189/BLHS 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Dao) và do có trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu đất canh tác nên đã cùng nhau đi chặt, phá rừng để để canh tác, cải thiện đời sống kinh tế gia đình chứ không nhằm mục đích khai thác lâm sản bởi diện tích rừng mà các bị cáo phát phá tuy là rừng phòng hộ nhưng trên đất chủ yếu là cây vầu, cây lau sậy và một ít cây gỗ tạp nhỏ. Khi thực hiện các hành vi trên, bản thân các bị cáo không biết đó là rừng phòng hộ, không nhận thức được đó là vi phạm pháp luật, chỉ sau khi bị cơ quan chức năng phát hiện lập biên bản và giải thích, các bị cáo mới biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú cũng có công văn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Mặt khác hai bị cáo là vợ chồng của nhau và đều là lao động chính trong gia đình; các bị cáo có 03 con trong đó con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất mới sinh năm 2015, rất cần sự nuôi dưỡng, quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do vậy HĐXX thấy cần xem xét quyết định hình phạt phù hợp đối với các bị cáo để vừa đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Hoàng Phúc T, là chủ gia đình, là người khởi xướng và giữ vai trò chính trong việc thực hiện hành vi phạm tội, do vậy phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo H. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 04 (Bốn) năm tù là có căn cứ và phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo do vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T.

Đối với bị cáo Triệu Thị H là vợ của bị cáo T, khi được T khởi xướng đã làm theo sự chỉ đạo của T nên bị cáo này là đồng phạm nhưng chỉ giữ vai trò thứ yếu trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo là vợ chồng của nhau và cùng sống chung trong một gia đình, nếu buộc cả hai bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì các con của hai bị cáo không được bố mẹ nuôi dạy, bảo ban, phải tự bươn chải kiếm sống nuôi nhau rất có thể sẽ kéo theo những hệ lụy xấu cho gia đình và xã hội. Do vậy HĐXX thấy có cơ sở để áp dụng Điều 60/BLHS giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo H, như vậy vừa thấu tình, đạt lý mà vẫn đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Từ những phân tích ở trên HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Thị H và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo H; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Phúc T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 355, 356; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Hoàng Phúc T, giữ nguyên mức hình phạt tù đối với bị cáo T như quyết định của bản án sơ thẩm; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Thị H, sửa bản án sơ thẩm số 30/2018/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn về phần hình phạt đối với bị cáo Triệu Thị H.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 đối với bị cáo Hoàng Phúc T.

Xử phạt bị cáo Hoàng Phúc T 04 (Bốn) năm tù về tội “Hủy hoại rừng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 đối với bị cáo Triệu Thị H.

Xử phạt bị cáo Triệu Thị H 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Hủy hoại rừng”.

Giao bị cáo Triệu Thị H cho UBND xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS 2015 ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Triệu Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Hoàng Phúc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Thị Tuyết Mai Hà Quang Huy

Nguyễn Công Thái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Thị Tuyết Mai

Hà Quang Huy

Nguyễn Công Thái

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 28-HS:

(1) và (4) ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm; nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...); nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi Bản án hình sự phúc thẩm, ô thứ hai ghi năm ra Bản án hình sự phúc thẩm (ví dụ: 12/2017/HS-PT).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(5) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán; nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1) và họ tên của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) và (4). Nếu vụ án xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) nếu vụ án có một hoặc hai bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo; nếu vụ án có từ ba bị cáo trở lên kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và ghi thêm cụm từ “và các bị cáo khác”. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(12) ghi địa vị pháp lý trong tổ tụng của người kháng cáo (ví dụ: do có kháng cáo của bị cáo (các bị cáo), người bị hại và nguyên đơn dân sự).

(13) ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị (nếu có).

(14) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm.

(15) không ghi các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị, nhưng toàn bộ kháng cáo, kháng nghị liên quan đến họ đã được rút trước khi mở phiên tòa.

(16) và (17) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(18) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(19) nếu có bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ, thì ghi như bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị; nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét phần của bản án sơ thẩm đối

với họ thì chỉ cần ghi “Ngoài ra còn có (số lượng) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị”. Trường hợp vụ án chỉ có một bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi “Ngoài ra còn có bị cáo (họ tên) không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị”.

(20) và (21) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ “là” ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(22) nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ tên của người bào chữa và nghề nghiệp (Ví dụ: Trần Văn C là Luật sư; Trần Văn D là Bào chữa viên nhân dân).

(23), (24), (25), (26), (27), (28), (29), (30) và (31) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(32) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(33) trong phần này, ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định trong bản án sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(34) trong phần này, ghi nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ để giải quyết vụ án. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(35) tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(36) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(37) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp phúc thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)